TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 3 - 2020
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ẩn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Móm Em.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không

Ngày 09 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm: 1983 (vắng có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh P**, sinh năm: 1981 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Chị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P do quen biết và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L vào ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Sau ngày cưới anh, chị chung sống hạnh phúc. Thời gian đầu vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau, anh P không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, chị D nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh P vẫn không sửa đổi. Đến ngày 13 tháng 5 năm 2019 chị D có nộp đơn xin ly hôn với anh P nhưng vì thương con và anh P năn nỉ chị D nhiều lần nên chị D đã rút đơn về để hàn gắn tình cảm, nhưng sau đó thì anh P vẫn không thay đổi và anh, chị cũng không thể nào quay về sống chung với nhau.

Nay Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ, chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài nên Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh P.

- Về con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên C, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2002 và Lê Phúc Nguyên K, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005. Sau khi ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của cháu C và cháu K, cháu C và Khiêm muốn sống chung với ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nếu cháu C hoặc cháu K sống chung với chị D thì chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu C hoặc cháu K muốn sống chung với anh P thì chị D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 02 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị D do mai mối, có tự tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh L ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Sau khi cưới thì anh P và chị D sống chung với cha mẹ ruột của anh P tại ấp H, xã T được khoảng năm 2006 thì ra sống tự lập riêng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng tôi rất hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bệnh nên có mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh, chị không còn sống chung từ tháng 08 năm 2018 cho đến nay.

Nay với yêu cầu ly hôn của chị D thì anh P không đồng ý, bởi vì anh còn thương vợ thương con nên anh yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: Anh, chị có 02 con chung Lê Phúc Nguyên C, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2002 và Lê Phúc Nguyên K, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D thì sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của 02 cháu C và Khiêm, cháu C và Khiêm muốn sống chung

với ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Nếu cháu C hoặc cháu K sống chung với anh P thì anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu C hoặc cháu K muốn sống chung với chị D thì anh P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại 02 bảng khai ý kiến cùng ngày 31 tháng 01 năm 2020 thì cháu Lê Phúc Nguyên C có nguyện vọng muốn sống chung với anh P và cháu Lê Phúc Nguyên K có nguyện vọng muốn sống chung với chị D.

** Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

- Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh (bản sao), đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh P. Theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Nguyên đơn chị D và bị đơn anh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị D và bị đơn anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh P có tự tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân nhân dân xã Tân Quới Trung vào ngày 31 tháng 12 năm 2002 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn Chị D và anh P chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cự với nhau về kinh tế trong gia đình.

Xét thấy, chị D và anh P đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 mà không thể hàn gắn đoàn tụ, chị D đã từng khởi kiện xin ly hôn với anh P nhưng đã rút đơn xin ly hôn về hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ, anh P có yêu cầu đoàn tụ với chị D, nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, từ những vấn đề này đã cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị D và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Anh, chị có 02 con chung tên Lê Phúc Nguyên C, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2002 và Lê Phúc Nguyên K, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005. Cháu C có nguyện vọng muốn sống chung với anh P và cháu K có nguyện vọng muốn sống chung với chị D. Chị D và anh P thống nhất theo nguyện vọng của cháu C và cháu K. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là giao cháu C cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D và anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Chị D và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Chị D và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Thanh P.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Phúc Nguyên C, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2002 cho anh Lê Thanh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Phúc Nguyên K, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phúc Nguyên C và anh Lê Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phúc Nguyên K.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0007753 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Lê Thanh P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Quới Trung;
- Lưu.

Đã ký

Trần Văn Ẩn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Ẩn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Ẩn

Nghị án kết thúc vào hồi……giờ…..phút, ngày……tháng….năm……

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Ẩn